

Bản án số: 140/2020/HS-ST
Ngày: 01-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt

2. Ông Nguyễn Đức Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Tín, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Xuân S, sinh năm 1990 tại tỉnh N; hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã N1, huyện N2, tỉnh N; tạm trú: Khu phố B, xã K, thị xã T, tỉnh B1; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng C (đã chết) và bà Phan Thị H, sinh năm 1948; vợ tên Bùi Thị T1, sinh năm 1996; bị cáo có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh A2, vắng mặt.

2.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1962; địa chỉ: Phường h, quận B2, Thành phố H1, vắng mặt.

Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1996; địa chỉ: tạm trú: Khu phố B, xã K, thị xã T, tỉnh B1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Đặng Xuân S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. S biết khu đất tại thửa đất số 975, 976 lô 12 Ô 13, 14 khu dân cư Thuận Giao, khu phố Bình Thuận, phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố)

Thuận An có diện tích 660m² là khu đất trống, không có người quản lý nên S nảy sinh ý định cầm bảng cho thuê đất nhằm chiếm đoạt tiền của người thuê. Vào khoảng tháng 9 năm 2019, S đến cầm bảng cho thuê đất có ghi số điện thoại của S tại khu đất nêu trên. Đến khoảng tháng 10 năm 2019, ông Lê Thanh M nhìn thấy bảng cho thuê đất nên liên hệ với số điện thoại để thuê mặt bằng thì S tự xưng tên Nam quê Thanh Hóa, S nói “*khu đất của ông anh đi nước ngoài, đã mang theo giấy tờ và ủy quyền cho quản lý khu đất trên cho S*”. Do tin tưởng là thật nên ngày 04/10/2019, ông M thỏa thuận về việc thuê mặt bằng với S, đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 05/10/2019, ông M và S hẹn gặp nhau tại quán cà phê Trung Tâm địa chỉ số 378, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An để ký hợp đồng, S soạn sẵn hợp đồng lấy tên Nguyễn Hữu Nam, tiền thuê hợp đồng 8.000.000 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng 05 năm, tiền đặt cọc là 16.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, tại đường Nguyễn Văn Tiết giao nhau với đường Lái Thiêu 01 thuộc khu phố Đông Tư phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, ông M đã giao cho S số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng thuê mặt bằng, ông M tiến hành san lấp mặt bằng để xây dựng nhà tiền chế trên khu đất. Ngày 24/12/2019, ông Nguyễn Tấn L, là chủ khu đất phát hiện ông M xây dựng trên đất nên ông L yêu cầu dừng thi công và cho biết khu đất thuộc quyền sở hữu của ông L nên trình báo sự việc đến Công an phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 02/01/2020, Đặng Xuân S liên hệ với ông M để thu tiền thuê đất, ông M kêu S đi đến trước khu đất để nhận tiền, khi S đến thì bị ông M giữ lại và trình báo với Công an phường Thuận Giao bắt giữ S. Tại cơ quan công an, S đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng của ông M.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 điện thoại di động loại trắng đen hiệu Nokia màu xám xanh số seri: 356948034992909, kèm theo 01 sim điện thoại số 0862342806 (đã qua sử dụng) của bị cáo Đặng Xuân S và 01 hợp đồng thuê mặt bằng giữa người cho thuê là Nguyễn Hứa Nam với bên thuê là Lê Thanh M.

Tại bản Cáo trạng số 128/CT-VKS-TA ngày 24/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố bị cáo Đặng Xuân S tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Bị hại Lê Thanh M trình bày: Xác định bị cáo Đặng Xuân S là người đã lừa dối và chiếm đoạt bị hại số tiền 16.000.000 đồng thông qua việc ký kết hợp đồng thuê mặt bằng tại thửa đất số 975, 976 lô 12 Ô 13, 14 khu dân cư Thuận Giao, khu phố Bình Thuận, phường Thuận Giao, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Riêng về số tiền bị cáo san lấp mặt bằng, do bị hại đã ký kết hợp đồng với người có quyền sử dụng đất nên không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với chi phí này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn L trình bày: Ông L là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 975, 976 lô 12 Ô 13, 14 khu dân cư Thuận Giao, khu phố Bình Thuận, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An theo xác nhận thông tin của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An ngày 11/9/2003 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00686 QSDĐ/TG ngày 03/5/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00687 QSDĐ/TG ngày

03/5/2003. Hiện nay, ông L đã ký kết hợp đồng cho ông Lê Thanh M thuê mặt bằng nêu trên nên ông L không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Về trách nhiệm hình sự:

- Khoản 1, Điều 174; Điều 47; Điểm b, i, s Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Xuân S từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về vật chứng: Yêu cầu tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia cùng sim số 0862342806.

- Bị cáo Đặng Xuân S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị T1: Bà T1 là vợ của bị cáo S. Sau khi sự việc S lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại M, S đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên ngày 27/5/2020, bà T1 đã bồi thường cho bị hại M số tiền 16.000.000 đồng. Đây là tiền của cá nhân bà T1, bà T1 không yêu cầu bị cáo S trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan Điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 05/10/2019, tại quán cà phê Trung Tâm địa chỉ số 378, đường Nguyễn Văn Tiệt, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương, bị cáo Đặng Xuân S đã có hành vi gian dối bằng cách đưa thông tin sai sự thật về khu đất tại thửa đất số 975, 976 lô 12 Ô 13, 14 khu dân cư Thuận Giao, khu phố Bình Thuận, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An để ông Lê Thanh M tin tưởng ký hợp đồng thuê mặt bằng rồi chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Đặng Xuân S tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi cung cấp thông tin sai sự thật về người có quyền sử dụng đất để lừa dối, làm cho bị hại tin tưởng ký kết hợp đồng và giao tiền cho bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, có thể bị trừng trị trước pháp luật nhưng bị

cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Do đó, đối với bị cáo phải có mức án tương xứng và tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại thuộc Điểm b, i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/5/2020, bà Bùi Thị T1 là vợ của bị cáo đã trả cho bị hại M số tiền 16.000.000 đồng ngày 27/5/2020, bị hại không yêu cầu gì khác, bà T1 không yêu cầu bị cáo S trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động loại trắng đen hiệu Nokia màu xám xanh số seri: 356948034992909, kèm theo 01 sim điện thoại số 0862342806 (đã qua sử dụng) của bị cáo Đặng Xuân S là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 hợp đồng thuê mặt bằng giữa người cho thuê là Nguyễn Hứa Nam với bên thuê là Lê Thanh M. Đây là tài liệu chứng M hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Xuân S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 174; Điều 47; Điểm b, i, s Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 01 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động loại trắng đen hiệu Nokia màu xám xanh số seri: 356948034992909, kèm theo 01 sim điện thoại số 0862342806 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 21/4/2020 giữa Công an thành phố Thuận An với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 hợp đồng thuê mặt bằng giữa người cho thuê là Nguyễn Hứa Nam với bên thuê là Lê Thanh M.

3. Về án phí: Bị cáo Đặng Xuân S phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bị cáo; BH; NLQ;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên